

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 762/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-08-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 08 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 486/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-07-2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 449/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31-07-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị D**, sinh năm: 1989 (Nộp đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 16, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Văn C**, sinh năm: 1977. Địa chỉ liên hệ: 243A V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 16, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 04 năm 2024, bản tự khai ngày 15/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Lê Thị D trình bày như sau:

Bà Lê Thị D và ông Phạm Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, theo Trích lục kết hôn số 248/TLKH-BS ngày 17/04/2024 (Sổ đăng ký kết hôn số: 55/2012 ngày 02 tháng 05 năm 2012). Sau khi kết hôn vợ chồng ông Đ, bà D luôn yêu thương, chia sẻ và cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nghiêm

trọng về quan điểm sống, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, nhiều lần vô cớ đánh đập bà D có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, công an địa phương xử phạt hành chính và chính quyền cũng đã hoà giải nhiều lần, tìm cách khắc phục để gia đình êm ấm hơn nhưng vẫn không thay đổi. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu nhau, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục duy trì được nữa nên bà Lê Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

Về con chung: Bà Lê Thị D và ông Phạm Văn Đ chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Phạm Lê Thu H, sinh ngày: 22/08/2014, giới tính: Nữ, hiện đang sống chung với bà Dung. Sau khi ly hôn bà Lê Thị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Thu H, bà D không yêu cầu ông Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị D yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung khác: Bà Lê Thị D xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Lê Thị D vắng mặt và có nộp đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bà Dung

Bị đơn ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt tại nơi cư trú nhà không số (gần nhà D5/79 H1 hẻm 80 tổ 16) ấp 12, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn Đ vắng mặt không lý do.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Phạm Lê Thu H trình bày ngày 03 tháng 7 năm 2024 như sau:

Ông Phạm Văn Đ là cha và bà Lê Thị D là mẹ của trẻ Phạm Lê Thu Hoài. Hiện tại trẻ Phạm Lê Thu H đang sống chung với mẹ và không có anh chị em nào khác. Trẻ Phạm Lê Thu H đang học lớp 5, tại trường Tiểu học Trần Quốc T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên vọng của trẻ Phạm Lê Thu H là được sống chung với mẹ là bà Lê Thị D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D. Về án phí: Bà Lê Thị D chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Lê Thị D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: “Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1986 có đăng ký khai báo nơi ở hiện tại và thực tế cư trú tại nhà không số (Tổ 16. ấp 1 cũ) ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh”. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Lê Thị D vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Dung. Bị đơn – ông Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định là vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – bà Lê Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Phạm Văn Đ; Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là Phạm Lê Thu H, sinh ngày: 22/08/2014, giới tính: Nữ, hiện đang sống chung với bà D. Sau khi ly hôn bà Lê Thị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Thu H, bà D không yêu cầu ông Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: bà D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn - ông Phạm Văn Đ vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như đến Tòa án trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị D đối với ông Phạm Văn Đ. Bà Lê Thị D chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, theo Trích lục kết hôn số 248/TLKH-BS ngày 17/04/2024 (Sổ đăng ký kết hôn số: 55/2012 ngày 02 tháng

05 năm 2012). Do đó, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9]] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận có 01 (Một) con chung tên là Phạm Lê Thu H, sinh ngày: 22/08/2014, giới tính: Nữ. Theo ý kiến của trẻ Phạm Lê Thu H có nêu: Trẻ đang sống cùng với nguyên đơn, nguyện vọng của trẻ là được sống chung với mẹ, trẻ đang đi học lớp 5, tại trường Tiểu học Trần Quốc T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Thu H, là phù hợp tình hình trẻ đang sinh sống.

[10] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Lê Thu H không ai có quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[11] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[13] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị D.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị D và ông Phạm Văn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy Chứng nhận kết hôn số: 55/2012, đăng ký ngày 02/05/2012 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Phạm Lê Thu H, sinh ngày: 22/08/2014, giới tính: Nữ.

Bà Lê Thị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Thu Hoài.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Văn Đ.

Ông Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Lê Thu H, không ai có quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3- Về tài sản chung: Bà Lê Thị D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Lê Thị D xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Lê Thị D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) (ông Trần Văn Công nộp tiền) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033748 ngày 08 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi